

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/ DS-ST

Ngày: 07/8/2023

V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thái Sơn

Ông Nguyễn Thanh Truyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thơi, Thư ký Tòa án nhân dân QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân QUẬN S Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Vào ngày 17/5/2023 và ngày 07/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân QUẬN S Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2022/TLST-DS ngày 22/3/2022, về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2023/QĐST-DS ngày 17/5/2023; Thông báo Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 59/TB-TA ngày 28/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1943; địa chỉ thường trú: 187B đường PVK, Phường 2, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 99 đường BP, Phường 11, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Lê Anh Q, sinh năm 1977; địa chỉ: 35 BP, Phường 10, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 04/4/2022 tại Phòng công chứng số 7) (có mặt).

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1933; Địa chỉ: số 45 đường số 9, Phường 11, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh (chết năm 2022).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ch:

1/ Bà Hứa Thị B, sinh năm 1936; địa chỉ: 628/57 Hậu Giang, Phường 12, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1959; địa chỉ: 150/4D Tân Hòa Đông, Phường 14, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Nguyễn Thành G, sinh năm 1964; địa chỉ: 58/4 đường Cao Văn Lầu, Phường 1, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1968; địa chỉ: C15/22F4 ấp 3, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Ông Nguyễn Hòa B, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 45, đường số 9, Phường 11, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957; địa chỉ: Khu phố Bình Hòa, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

7/ Bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1961; địa chỉ: 963/5 Lò Gốm, Phường 8, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh.

8/ Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh năm 1966; địa chỉ: 58AB Tân Hòa Đông, Phường 14, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh.

9/ Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1969; địa chỉ: 1C đường 26A, Phường 10, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh.

10/ Bà Hứa Thị Tuyết Nh, sinh năm 1971; địa chỉ: 82 Đường 64, Phường 10, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh.

11/ Ông Hứa Hoàng Th, sinh năm 1973; địa chỉ: 628/57 Hậu Giang, Phường 12, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông/bà Hứa Thị B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Thành G, Hứa Thị Tuyết Nga, Nguyễn Quốc V, Nguyễn Thị Tuyết V, Hứa Thị Tuyết Nh, Hứa Hoàng Th, Nguyễn Hòa B là bà Trương Thị Thu Tr, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: L36/16/16 Cư xá Phú Lâm A, Phường 12, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: 279A Hậu Giang, Phường 5, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*.

2. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1971; địa chỉ: 184/36/15 đường Bãi Sậy, Phường 4, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền là bà Trương Thị Thu Tr, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: L36/16/16 Cư xá Phú Lâm A, Phường 12, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: 279A Hậu Giang, Phường 5, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; địa chỉ: 351/25 đường An Dương Vương, Phường 10, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền là bà Trương Thị Thu Tr, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: L36/16/16 Cư xá Phú Lâm A, Phường 12, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: 279A Hậu Giang, Phường 5, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ủy ban nhân dân QUẬN S; địa chỉ: 107 đường Cao Văn Lầu, Phường 1, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân QUẬN S: Ông Bùi Trọng S, chức vụ: Trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng QUẬN S. *(Vắng mặt ngày 17/5/2023, có mặt ngày 07/8/2023).*

Người làm chứng: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1949; địa chỉ thường trú: 351/25 An Dương Vương, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt ngày 17/5/2023, vắng mặt ngày 07/8/2023)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2022, các bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị B do ông Huỳnh Lê Anh Q là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc nhà đất 187B đường PVK, Phường 2, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Nguyễn Văn T (chết năm 1984) và bà Bùi Thị Tr (chết ngày 15/01/1991). Cha mẹ của ông T, bà Tr đều đã chết trước ông T, bà Tr. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tr có 02 người con là: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1943 và Ông Nguyễn Văn T, chết năm 1973. Ông T có 02 người con thừa kế thế vị là: ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1971 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973. Ông Nguyễn Văn T có 01 người con riêng là ông Nguyễn Văn Ch (sinh năm 1933, chết năm 2022).

Hiện nhà đất số 187B PVK, Phường 02, QUẬN S, Tp.HCM bị thu hồi đất theo Quyết định số 7965/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của Ủy ban nhân dân QUẬN S về việc thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án cải tạo kênh Hàng Bàng giai đoạn 2 tại Phường 1 và Phường 2 QUẬN S với mức bồi thường là 4.535.797.834 đ (Bốn tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng). Trong đó 4.355.817.660 đồng là theo Quyết định số 285/QĐ-UBND-BBT ngày 11/01/2018 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi toàn bộ mặt bằng số 187B PVK, Phường 2, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh; 197.939.386 đồng theo Quyết định số

2867/QĐ-UBND-BBT ngày 30/6/2021 về bổ sung chi phí hỗ trợ tự lo chỗ ở mới do thu hồi mặt bằng số 187B PVK, Phường 2, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số tiền 4.535.797.834 đ (Bốn tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng) này đã được Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng QUẬN S gửi tại Kho bạc Nhà nước QUẬN S (do các thừa kế của ông T, bà Tr không thống nhất được cách phân chia).

Ông Nguyễn Văn T chết không để lại di chúc.

Bà Bùi Thị Tr có lập bản chúc ngôn đề ngày 04/01/1991 được Ủy ban nhân dân Phường 2, QUẬN S chứng thực ngày 14/01/1991. Nội dung di chúc của bà Bùi Thị Tr là để lại toàn bộ căn nhà số 187B PVK, Phường 2, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị B được sở hữu, sử dụng.

Bà B yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông T và bà Tr là số tiền bồi thường nhà đất tại số 187B PVK, Phường 02, QUẬN S, Tp.HCM cho Bà B được hưởng là 4.535.797.834 đồng x $\frac{6}{8} = 3.401.848.375$ đồng (Ba tỷ bốn trăm linh một triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng), do Bà B được hưởng toàn bộ di sản của bà Tr theo di chúc và một phần thừa kế theo pháp luật di sản của ông T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Huỳnh Lê Anh Q đại diện bà Nguyễn Thị B đồng ý thỏa thuận với các bị đơn với nội dung: Đồng ý không tranh chấp về chúc thư của bà Bùi Thị Tr; xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Tr gồm: Ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị B - không tranh chấp việc ông Nguyễn Văn Ch là con riêng của ông T hay là con chung của ông T, bà Tr; di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Tr là số tiền 4.535.797.834 đ (Bốn tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng). Theo đó bà Nguyễn Thị B được hưởng 2.100.000.000đ (Hai tỷ một trăm triệu đồng), số 2.435.797.834 đ (Hai tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng) còn lại, ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Văn H (là những người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn T) và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Ch (những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Ch) mỗi bên được hưởng $\frac{1}{2}$ tương đương 1.217.898.917đ.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Nguyễn Văn Ch do bà Trương Thị Thu Tr là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về nguồn gốc nhà 187B đường PVK, Phường 2, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh đồng ý với trình bày của nguyên đơn.

Về quan hệ nhân thân: Cha mẹ của ông T, bà Tr đều đã chết. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tr có 03 người con là: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1943; ông Nguyễn Văn T, chết năm 1973 (Ông T có 02 người con thừa kế thế vị là: ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1971 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973); ông Nguyễn Văn Ch (sinh năm 1933, chết năm 2022). Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Châu gồm:

Vợ của ông Châu là bà Hứa Thị B, sinh năm 1936 và các con là: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1959; ông Nguyễn Thành G, sinh năm 1964; ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1968; ông Nguyễn Hòa B, sinh năm 1975; ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957; bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1961; bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh năm 1966; bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1969; bà Hứa Thị Tuyết Nh, sinh năm 1971; ông Hứa Hoàng Th, sinh năm 1973.

Ngày 27/12/2017, UBND QUẬN S đã có Quyết định số 7965/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án cải tạo kênh Hàng Bàng giai đoạn 2 tại Phường 1 và Phường 2 QUẬN S thu hồi đất tại số 187B PVK, Phường 02, QUẬN S, Tp.HCM; số tiền đền bù giải tỏa nhà, đất tại 187B PVK, Phường 02, QUẬN S, Tp.HCM là 4.535.797.834đ (Bốn tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng) do Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng QUẬN S đang gửi tại Kho bạc Nhà nước QUẬN S như nguyên đơn trình bày.

Phía bị đơn không đồng ý Tờ chúc ngôn đề ngày 04/01/1991 của bà Bùi Thị Tr được Ủy ban nhân dân Phường 2, QUẬN S chứng nhận ngày 14/01/1991 do nguyên đơn cung cấp, do trước khi mất thì bà Tr đã không còn minh mẫn nên Tờ chúc ngôn này là không hợp pháp. Đề nghị chia di sản thừa kế của ông T và bà Tr cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Nguyễn Văn Ch theo pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Trương Thị Thu Tr đại diện các bị đơn đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về hàng thừa kế, di sản thừa kế và cách chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Tr. Cụ thể: Bà Nguyễn Thị B được hưởng 2.100.000.000đ; các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn Ch được hưởng mỗi người một phần bằng nhau trên số tiền 1.217.898.917đ; những người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn T được hưởng mỗi người một phần bằng nhau trên số tiền 1.217.898.917đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND QUẬN S do ông Bùi Trọng S đại diện trình bày

Ngày 27/12/2017, UBND QUẬN S ban hành Quyết định số 7965/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án cải tạo kênh Hàng Bàng giai đoạn 2 tại Phường 1 và Phường 2, QUẬN S, của

đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Tr, thuộc một phần thửa đất số 90, tờ bản đồ 20 (BĐDC-2001) tại địa chỉ số 187B PVK, Phường 02, QUẬN S, Tp.HCM.

Ngày 11/01/2018, Ủy Ban nhân dân QUẬN S ban hành quyết định số 285/QĐ-UBND-BBT về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi toàn bộ mặt bằng số 187B PVK, Phường 2, QUẬN S.

Ngày 30/6/2021, Ủy Ban nhân dân QUẬN S ban hành quyết định số 2867/QĐ-UBND-BBT về bổ sung chi phí tự lo nơi ở mới do thu hồi toàn bộ mặt bằng số 187B PVK, Phường 2, QUẬN S.

Hội đồng bồi thường dự án đã có Công văn số 2480/HĐBT-BBT ngày 09/7/2018 về việc gửi số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 285/QĐ-UBND-BBT ngày 11/01/2018 của Ủy Ban nhân dân QUẬN S và Công văn số 131/HĐBT-BBT ngày 12/01/2022 về việc gửi tiền hỗ trợ bổ sung theo Quyết định số 2867/QĐ-UBND-BBT ngày 30/6/2021 đối với mặt bằng số 187B PVK, Phường 2, QUẬN S vào tài khoản tạm giữ của kho bạc nhà nước QUẬN S.

Đại diện UBND QUẬN S đồng ý với sự thỏa thuận của các đương sự.

Người làm chứng là bà Phạm Thị H trình bày:

Bà Hạnh là vợ ông Nguyễn Văn T. Năm 1970 bà về làm con dâu của ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Tr, cùng sống trong căn nhà số 187B PVK, Phường 2, QUẬN S.

Năm 1973, Ông Tché, bà Hạnh và 02 con là Nguyễn Văn Th và Nguyễn Văn H vẫn sống tại căn nhà trên.

Đến năm 1976, bà Hạnh và 02 con dọn ra ở riêng, mặc dù vậy bà và các con vẫn thường xuyên lui tới thăm nom cha mẹ chồng, đến năm 1984 ông Nguyễn Văn T chết.

Năm 1988 mẹ chồng bà Hạnh là bà Bùi Thị Tr bắt đầu phát bệnh, bụng to, sốt mê man, gia đình đưa bà vào bệnh viện An Bình và được chẩn đoán là sơ gan, bà nằm viện khoảng 03 tuần nhưng bệnh không giảm, gia đình đưa về điều trị bằng thuốc nam bệnh có thuyên giảm.

Vào khoảng cuối năm 1990 tầm tháng 11, 12 bệnh bà Tr lại trở nặng và bà Hạnh là người trực tiếp chăm sóc bà Tr mỗi ngày (sáng, chiều), vệ sinh cá nhân, đút cơm cho bà,... Do bà Tr ăn chay trường nên không đủ dinh dưỡng, đã vậy còn ăn rất ít nên bà yếu dần và không cử động được, miệng ú ớ không nói được, không còn nhận ra người thân.

Ngày 15/01/1991, cũng như thường ngày bà đến chăm sóc bà Tr, cho bà Tr ăn xong bà về nhà thì nghe tin bà Tr chết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì “Tranh chấp về thừa kế tài sản” là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ nhân thân: Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự không tranh chấp việc ông Nguyễn Văn Ch là con riêng của ông Nguyễn Văn T hay là con chung của ông T, bà Tr và đồng ý xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T (chết năm 1984) và bà Bùi Thị Tr (chết ngày 15/01/1991) gồm:

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1943.

- Ông Nguyễn Văn Ch (chết năm 2022) những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Châu gồm: Vợ của ông Châu là Hứa Thị B, sinh năm 1936 và các con là: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1959; ông Nguyễn Thành G, sinh năm 1964; ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1968; ông Nguyễn Hòa B, sinh năm 1975; ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957; bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1961; bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh năm 1966; bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1969; bà Hứa Thị Tuyết Nh, sinh năm 1971; ông Hứa Hoàng Th, sinh năm 1973.

- Ông Nguyễn Văn T, chết năm 1973, có 02 người thừa kế thế vị là ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1971 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973.

[2.2] Về nguồn gốc tài sản: Căn cứ Giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà số 127/GP-UB ngày 08/02/1990 của Ủy ban nhân dân QUẬN S thì căn nhà số 187B PVK, Phường 2, QUẬN S với đặc điểm: Nhà phố cấp 3, nhà 2 lầu; diện tích đất xây dựng là 49,24 m²; diện tích sử dụng là 130,49 m², vách gạch, mái lợp tole là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Bùi Thị Tr và ông Nguyễn Văn T.

Ngày 27/12/2017, UBND QUẬN S ban hành Quyết định số 7965/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án cải tạo kênh Hàng Bàng giai đoạn 2 tại Phường 1 và Phường 2 QUẬN S, của

đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Tr, thuộc một phần thửa đất số 90, tờ bản đồ 20 (BĐDC-2001) tại địa chỉ số 187B PVK, Phường 02, QUẬN S, Tp.HCM.

Ngày 11/01/2018, Ủy Ban nhân dân QUẬN S ban hành quyết định số 285/QĐ-UBND-BBT về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi toàn bộ mặt bằng số 187B PVK, Phường 2, QUẬN S.

Ngày 30/6/2021, Ủy Ban nhân dân QUẬN S ban hành quyết định số 2867/QĐ-UBND-BBT về bổ sung chi phí tự lo nơi ở mới do thu hồi toàn bộ mặt bằng số 187B PVK, Phường 2, QUẬN S.

Hội đồng bồi thường dự án đã có Công văn số 2480/HĐBT-BBT ngày 09/7/2018 về việc gửi số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 285/QĐ-UBND-BBT ngày 11/01/2018 của Ủy Ban nhân dân QUẬN S và Công văn số 131/HĐBT-BBT ngày 12/01/2022 về việc gửi tiền hỗ trợ bổ sung theo Quyết định số 2867/QĐ-UBND-BBT ngày 30/6/2021 đối với mặt bằng số 187B PVK, Phường 2, QUẬN S vào tài khoản tạm giữ của kho bạc nhà nước QUẬN S.

Tại Công văn số 113/KBQ6 ngày 20/4/2023 của Kho bạc Nhà nước QUẬN S trả lời Công văn số 234/TAQ6 của TAND QUẬN S về việc cung cấp thông tin về tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng tại 187B PVK đang gửi tại tài khoản tạm giữ của Kho Bạc Nhà nước QUẬN S có nội dung: “Tổng số tiền đền bù giải phóng mặt bằng số 187B PVK, Phường 2, QUẬN S của bà Nguyễn Thị B (đại diện các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Tr) do Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng đang gửi tại Kho bạc là 4.535.797.834 đồng”; “....khoản tiền đền bù giải phóng mặt bằng của số nhà 187B PVK, Phường 2, QUẬN S không thuộc đối tượng được trả lãi.”

Như vậy, di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Tr là khoản tiền 4.535.797.834đ (Bốn tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm ba mươi bốn đồng) được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi toàn bộ mặt bằng số 187B PVK, Phường 2, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh và chi phí hỗ trợ tự lo chỗ ở mới- Hiện đang được UBND QUẬN S gửi vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc Nhà nước QUẬN S.

[2.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều thỏa thuận thống nhất xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Tr là khoản tiền 4.535.797.834đ (Bốn tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm ba mươi bốn đồng) được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi toàn bộ mặt bằng số 187B PVK, Phường 2, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh và chi phí hỗ trợ tự lo chỗ ở mới; không tranh chấp về tờ chúc ngôn ngày 14/01/1991 của bà Bùi Thị Tr và thống nhất về cách phân chia như sau:

- Bà Nguyễn Thị B được hưởng 2.100.000.000đ (Hai tỷ một trăm triệu đồng).

- Những người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn T được hưởng 1.217.898.917đ (Một tỷ hai trăm mười bảy triệu tám trăm chín mươi tám ngàn chín trăm mười bảy đồng). Cụ thể như sau:

+ Ông Nguyễn Văn Th được hưởng 608.949.000đ

+ Ông Nguyễn Văn H được hưởng 608.949.917đ.

- Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Ch được hưởng số tiền 1.217.898.917đ (Một tỷ hai trăm mười bảy triệu tám trăm chín mươi tám ngàn chín trăm mười bảy đồng). Cụ thể như sau:

+ Bà Hứa Thị B được hưởng 110.718.917đ

+ Ông Nguyễn Bá T được hưởng 110.718.000đ

+ Ông Nguyễn Thành G được hưởng 110.718.000đ

+ Ông Nguyễn Quốc V được hưởng 110.718.000đ

+ Ông Nguyễn Hòa B được hưởng 110.718.000đ

+ Ông Ông Nguyễn Văn T được hưởng 110.718.000đ

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết S được hưởng 110.718.000đ

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng được hưởng 110.718.000đ

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết V được hưởng 110.718.000đ

+ Bà Hứa Thị Tuyết Nh được hưởng 110.718.000đ

+ Ông Hứa Hoàng Th được hưởng 110.718.000đ

Xét thấy, việc các đương sự thỏa thuận với nhau là tự nguyện; nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí:

- Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, miễn án phí và tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị B, bà Hứa Thị B, ông Nguyễn Bá T, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tuyết S do là người cao tuổi và có đơn yêu cầu được miễn tạm ứng án phí, án phí.

- Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016). Các đương sự còn lại phải chịu án phí cụ thể như sau:

- + Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 28.357.960đ
- + Ông Nguyễn Văn H phải chịu 28.357.997đ
- + Ông Nguyễn Thành G phải chịu 5.535.900đ
- + Ông Nguyễn Quốc V phải chịu 5.535.900đ
- + Ông Nguyễn Hòa B phải chịu 5.535.900đ
- + Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng phải chịu 5.535.900đ
- + Bà Nguyễn Thị Tuyết V phải chịu 5.535.900đ
- + Bà Hứa Thị Tuyết Nh phải chịu 5.535.900đ
- + Ông Hứa Hoàng Th phải chịu 5.535.900đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 264; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 623, Điều 651, Điều 652, của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016);

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự tự nguyện của các đương sự:

1.1. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Tr là khoản tiền 4.535.797.834đ (Bốn tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm ba mươi bốn đồng) được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi toàn bộ mặt bằng số 187B PVK, Phường 2, QUẬN S, Thành phố Hồ Chí Minh và chi phí hỗ trợ tự lo chỗ ở mới [Trong đó 4.355.817.660đ (Bốn tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu tám trăm mười bảy ngàn sáu trăm sáu mươi đồng) theo quyết định số 285/QĐ-UBND-BBT ngày 11/01/2018 của UBND QUẬN S; 197.939.386đ (Một trăm chín mươi bảy triệu chín trăm ba mươi chín nghìn ba trăm tám mươi sáu đồng) theo Quyết định số 2867/QĐ-UBND-BBT ngày 30/6/2021 của UBND QUẬN S] – đang được gửi tại Kho bạc Nhà nước QUẬN S (Theo Công

văn số 2480/HĐBT-BBT ngày 09/7/2018 của Hội đồng bồi thường dự án: Giải phóng mặt bằng Kênh Hàng Bàng (giai đoạn 2) QUẬN S) và Công văn số 131/HĐBT-BBT ngày 12/01/2022 của Hội đồng bồi thường dự án: Giải phóng mặt bằng Kênh Hàng Bàng (giai đoạn 2) QUẬN S).

1.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Tr gồm:

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1943.
- Ông Nguyễn Văn Ch (chết năm 2022), những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Châu gồm: Vợ của ông Châu là Hứa Thị B, sinh năm 1936 và các con là: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1959; ông Nguyễn Thành G, sinh năm 1964; ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1968; ông Nguyễn Hòa B, sinh năm 1975; ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957; bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1961; bà Nguyễn Thị Tuyết Ng, sinh năm 1966; bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1969; bà Hứa Thị Tuyết Nh, sinh năm 1971; ông Hứa Hoàng Th, sinh năm 1973.
- Ông Nguyễn Văn T (chết năm 1973), những người thừa kế thế vị của Ông Tlà: ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1971 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973.

1.3. Di sản của ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Tr được phân chia như sau:

- Bà Nguyễn Thị B được hưởng 2.100.000.000đ (Hai tỷ một trăm triệu đồng).
- Những người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn T được hưởng số tiền 1.217.898.917đ (Một tỷ hai trăm mười bảy triệu tám trăm chín mươi tám ngàn chín trăm mười bảy đồng). Cụ thể như sau:
 - + Ông Nguyễn Văn Th được hưởng 608.949.000đ (Sáu trăm lẻ tám triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn đồng).
 - + Ông Nguyễn Văn H được hưởng 608.949.917đ (Sáu trăm lẻ tám triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm mười bảy đồng).
- Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Ch được hưởng số tiền 1.217.898.917đ (Một tỷ hai trăm mười bảy triệu tám trăm chín mươi tám ngàn chín trăm mười bảy đồng). Cụ thể như sau:
 - + Bà Hứa Thị B được hưởng 110.718.917đ (Một trăm mười triệu bảy trăm mười tám ngàn chín trăm mười bảy đồng).
 - + Ông Nguyễn Bá T được hưởng 110.718.000đ (Một trăm mười triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng).
 - + Ông Nguyễn Thành G được hưởng 110.718.000đ (Một trăm mười triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng).

+ Ông Nguyễn Quốc V được hưởng 110.718.000đ (Một trăm mười triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng).

+ Ông Nguyễn Hòa B được hưởng 110.718.000đ (Một trăm mười triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng).

+ Ông Ông Nguyễn Văn T được hưởng 110.718.000đ (Một trăm mười triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết S được hưởng 110.718.000đ (Một trăm mười triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng được hưởng 110.718.000đ (Một trăm mười triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết V được hưởng 110.718.000đ (Một trăm mười triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng).

+ Bà Hứa Thị Tuyết Nh được hưởng 110.718.000đ (Một trăm mười triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng).

+ Ông Hứa Hoàng Th được hưởng 110.718.000đ (Một trăm mười triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng).

2. Án phí DSST:

- Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị B, bà Hứa Thị B, ông Nguyễn Bá T, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết S.

- Ông Nguyễn Văn Th phải chịu án phí là 28.357.960đ (Hai mươi tám triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm sáu mươi đồng).

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí là 28.357.997đ (Hai mươi tám triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm chín mươi bảy đồng).

- Ông Nguyễn Thành G phải chịu án phí là 5.535.900đ (Năm triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn chín trăm đồng).

- Ông Nguyễn Quốc V phải chịu án phí là 5.535.900đ (Năm triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn chín trăm đồng).

- Ông Nguyễn Hòa B phải chịu án phí là 5.535.900đ (Năm triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn chín trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng phải chịu án phí là 5.535.900đ (Năm triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn chín trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị Tuyết V phải chịu án phí là 5.535.900đ (Năm triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn chín trăm đồng).

- Bà Hứa Thị Tuyết Nh phải chịu án phí là 5.535.900đ (Năm triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn chín trăm đồng).

- Ông Hứa Hoàng Th phải chịu án phí là 5.535.900đ (Năm triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn chín trăm đồng).

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND QUẬN S;
- Chi cục THA dân sự QUẬN S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Minh Châu